

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
VIETNAM WATER, SANITATION AND ENVIRONMENT JSC**

Số 5, Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel: 02438281429; Fax: 02438284760; Website: viwase.com.vn; Email: viwase@hn.vnn.vn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

THÁNG 03 NĂM 2021

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| I. THÔNG TIN CHUNG | 3 |
| 1. Thông tin khái quát: | 3 |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: | 3 |
| 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..... | 6 |
| 5. Các rủi ro:..... | 8 |
| II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020..... | 9 |
| 1. Tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020: | 9 |
| 2. Tổ chức và nhân sự: | 10 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:..... | 18 |
| 4. Tình hình tài chính của Công ty VIWASE: | 19 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 21 |
| III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 22 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:..... | 22 |
| 2. Tình hình tài chính: | 22 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: | 23 |
| IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 23 |
| 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty: | 23 |
| 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty: | 23 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT: | 24 |
| V. QUẢN TRỊ CÔNG TY | 24 |
| 1. Hội đồng quản trị:..... | 24 |
| 2. Ban Kiểm soát:..... | 30 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc: | 31 |
| VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31 |
| 1. Ý kiến kiểm toán: | 31 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: | 32 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
(VIWASE)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam**
- Tên giao dịch tiếng Anh: Vietnam Water, Sanitation and Environment Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VIWASE
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100104972, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006; đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 15 tháng 5 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 06 tháng 6 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 31 tháng 7 năm 2015; đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 28 tháng 01 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 08 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 22 tháng 01 năm 2019; đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 30 tháng 01 năm 2019.
- Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 5, phố Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Điện thoại: 024 - 38281429 Fax: 024 - 38284760
- Website: viwase.vn
- Mã cổ phiếu: VWS
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - ◆ Năm 1961 - 1972: **Đội thiết kế công nghệ** - Viện Thiết kế Quy hoạch thành phố - **Bộ Kiến trúc**
 - ◆ Năm 1973 - 1974: **Đội thiết kế công nghệ** - Viện Thiết kế công trình kỹ thuật thành phố - **Bộ Xây dựng**
 - ◆ Năm 1975 - 1983: **Xí nghiệp thiết kế cấp thoát nước** - Bộ Xây dựng
 - ◆ Năm 1984 - 1994: **Công ty Thiết kế Cấp thoát nước** - Bộ Xây dựng
 - ◆ Năm 1995 - 2001: **Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)** - Bộ Xây dựng
 - ◆ Năm 2002 - 2005: **Công ty Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)** - Bộ Xây dựng
 - ◆ Từ năm 2006: **Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)**

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|-----------------|
| 1 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); | 6619 |
| 2 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát thiết kế, quản lý dự án bao gồm: Lập và thẩm tra các báo cáo đầu tư; dự án đầu tư xây dựng công trình; báo cáo kinh tế kỹ thuật; hồ sơ thiết kế, dự toán và tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về tư | 7110 (Chính) |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| | <p>vấn, xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công, lắp đặt cho các công trình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công trình cấp nước, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường. + Công trình dân dụng và công nghiệp. + Công trình giao thông. + Công trình thủy lợi. + Công trình hạ tầng kỹ thuật. + Công trình cấp điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây điện cao thế và trạm biến áp. - Lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị; lập quy hoạch chi tiết xây dựng cho: Đô thị, nông thôn và khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp. - Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán, thẩm tra thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp; - Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay - Hoạt động đo đạc bản đồ: Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ địa hình và địa chính; Vẽ bản đồ và thông tin về không gian. Quan trắc chuyển dịch biến dạng công trình. - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước: Điều tra địa vật lý, địa chấn, động đất; Hoạt động điều tra địa chất; Hoạt động điều tra đất đai và đường biên giới; Hoạt động điều tra thủy học; Hoạt động điều tra lớp dưới bề mặt. Khoan thăm dò và đánh giá trữ lượng nước ngầm. - Chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng. - Thiết kế máy móc và thiết bị: thiết kế chế tạo thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật. - Khảo sát địa hình, địa chất, địa chất công trình, địa chất thủy văn, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; - Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế-tài chính, hiệu quả xã hội của dự án. - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng. | |
| 3 | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: đào tạo trong lĩnh vực chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.</p> | 8559 |
| 4 | <p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: kiểm tra chất lượng thiết bị, vật tư - Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...; (Trừ các hoạt động của phòng thí nghiệm của phòng cảnh sát)</p> | 7120 |
| 5 | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp</p> | 4329 |
| 6 | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> | 4663 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 7 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 3600 |
| 8 | Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt các công trình điện, đường dây và trạm biến thế đến 35KV (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 4321 |
| 9 | Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá) | 7310 |
| 10 | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm hoạt động điều tra và các hoạt động nhà nước cấm) | 7320 |
| 11 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác; - Tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược | 7490 |
| 12 | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học | 3900 |
| 13 | Thoát nước và xử lý nước thải | 3700 |
| 14 | Thu gom rác thải không độc hại | 3811 |
| 15 | Thu gom rác thải độc hại | 3812 |
| 16 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại | 3821 |
| 17 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại | 3822 |
| 18 | Tái chế phế liệu | 3830 |
| 19 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 20 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Luật kinh doanh bất động sản 2015 | 6810 |
| 21 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |
| 22 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị khác để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; | 4659 |
| 23 | Sản xuất máy chuyên dụng khác | 2829 |
| 24 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường) | 5610 |
| 25 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | 8299 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| | Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ vàng, rác thải, phế liệu) (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | |
| 26 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 27 | Xây dựng nhà để ở | 4101 |
| 28 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 29 | Xây dựng nhà không để ở | 4102 |
| 30 | Xây dựng công trình thủy | 4291 |
| 31 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo | 4293 |
| 32 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4299 |
| 33 | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại | 8230 |
| 34 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322 |
| 35 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên | 7211 |
| 36 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ | 7212 |
| 37 | Xây dựng công trình điện | 4221 |
| 38 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước | 4222 |
| 39 | Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu | 4229 |
| 40 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội | 7221 |

- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Bộ máy quản lý trực tiếp chỉ đạo, điều hành sản xuất của Công ty gồm có Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng, ban chức năng và các đơn vị trực tiếp sản xuất (*xem sơ đồ tổ chức*).

- Các công ty liên doanh, liên kết:

Công ty liên doanh

| Công ty | Ngành nghề | % sở hữu theo Giấy CNĐKKD | 31/12/2020 (đồng) | 01/01/2020 (đồng) |
|--------------------------------------|------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty cổ phần BĐS Lilama Land | Đầu tư, kinh doanh BĐS | | 375.000.000 | 375.000.000 |
| Công ty cổ phần Bất động sản An Việt | Đầu tư, kinh doanh BĐS | 02 | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Tổng | | | 2.375.000.000 | 2.375.000.000 |

Công ty liên kết:

| Công ty | Ngành nghề | % sở hữu theo Giấy CNĐKKD | 31/12/2020 (đồng) | 01/01/2020 (đồng) |
|---|------------|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty CP Nước, Môi trường và HTKT Sài Gòn | Tư vấn | 48,81 | 1.855.800.000 | 1.855.800.000 |
| Công ty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông | Tư vấn | 48,97 | 1.385.860.000 | 1.385.860.000 |
| Công ty CP Tư vấn Đầu tư Môi trường và Hạ tầng Lạc Việt | Tư vấn | 44,48 | 934.089.605 | 934.089.605 |
| Tổng | | | 4.175.749.605 | 4.175.749.605 |

4. Định hướng phát triển

Trong năm 2021, Công ty tăng cường chú trọng đến các định hướng, mục tiêu sau:

- Đổi mới, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp thông qua việc quy hoạch cán bộ, lựa chọn, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ có trình độ quản trị, có chuyên môn, nhiệt huyết vào các vị trí quản lý cấp đơn vị, cấp Ban điều hành công ty.

- Xây dựng và thực hiện tốt chương trình hội thảo, đào tạo phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Tổ chức cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo về quản trị, về chuyên môn, trình độ ngoại ngữ...

- Tích cực phối hợp với các trường đại học, hiệp hội nghề nghiệp, bổ sung phương thức tuyển dụng lao động, đào tạo và quản lý lao động tại đơn vị trong công ty.

- Trang bị cơ sở vật chất phục vụ người lao động sản xuất với năng suất và chất lượng tốt hơn.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm chuyên dụng; Từng bước áp dụng các mô hình như BIM... vào trong hoạt động quản trị, sản xuất để nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Chuẩn hóa và số hóa các quy trình, hoạt động về quản trị công ty. Xây dựng cơ chế kiểm soát, giám sát và đánh giá quy trình và kết quả thực hiện hoạt động SXKD.

- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm các hợp đồng đang triển khai để giữ vững uy tín, thị trường của công ty, qua đó phát triển các hợp đồng mới kết hợp mở rộng lĩnh vực tư vấn xây dựng trong thị phần hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.

- Tiếp tục hoàn thiện quy chế phù hợp với tình hình thực tế, đẩy mạnh công tác thị trường, tìm kiếm hợp đồng và tổ chức sản xuất có năng suất, hiệu quả.
- Huy động mọi nguồn lực tham gia các hợp đồng có giá trị lớn; Linh hoạt trong công tác triển khai dự án, kể cả phương thức thực hiện trước khi ký hợp đồng.
- Mở rộng cung cấp dịch vụ đa lĩnh vực với chất lượng cao, không chỉ đối với các khách hàng trong nước mà còn đối với các đối tác quốc tế, các tổ chức tài trợ quốc tế, đặc biệt là các nhà đầu tư.
- Đẩy mạnh triển khai các dịch vụ tư vấn phi truyền thống. Định hướng chủ trương cơ cấu lại các đơn vị sản xuất, cung cấp dịch vụ thương mại, hợp tác kinh doanh để tăng doanh thu tài chính và hiệu quả dự án của công ty.
- Xem xét và lựa chọn một số đối tác quốc tế để thực hiện các dự án ODA; xem xét khả năng tham gia các dự án ở nước ngoài.

5. Các rủi ro:

Giai đoạn 2016-2020 đã có sự suy giảm dần tính hấp dẫn và lượng giải ngân nguồn vốn ODA trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, là lĩnh vực chính đem lại nhiều doanh thu, lợi nhuận cho Công ty từ trước đến nay, nhất là trong 2 năm trở lại đây số lượng dự án mới chững lại, không có nhiều dự án lớn xuất hiện.

Tình hình chung của năm 2021 và có thể là 1, 2 năm sau đó vẫn còn khó khăn do nguồn lực đầu tư của xã hội vẫn còn hạn chế, mức tiêu tăng trưởng GDP của Chính phủ vẫn ở mức thấp.

Thị trường tư vấn ngành hạ tầng kỹ thuật và môi trường sẽ ngày càng gay gắt, các hãng tư vấn quốc tế đang chuyển dần từ hợp tác với tư vấn trong nước sang chủ động tự thực hiện với nguồn nhân sự tuyển dụng tại Việt Nam, bên cạnh đó các công ty quy mô nhỏ trong nước thì sử dụng giải pháp chào giá rất thấp, đặc biệt trong các dịch vụ lập dự án, thiết kế các dự án, công trình không có yêu cầu kỹ thuật cao với sự tham gia của rất nhiều các công ty mới có quy mô nhỏ, linh hoạt. Đơn giá thiết kế không tăng trong khi chi phí sản xuất có thể tiếp tục tăng ở mức độ vừa phải.

Tình trạng thu hút nhân lực chuyên môn cao từ lĩnh vực tư vấn chuyển sang các lĩnh vực khác hấp dẫn hơn (cung cấp vật tư, thiết bị, các công ty vốn nước ngoài) vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt có sự cạnh tranh không lành mạnh từ các doanh nghiệp nhỏ hoạt động cùng lĩnh vực (như bỏ giá thầu thấp, chất lượng sản phẩm không đáp ứng yêu cầu, ...).

Như đã phân tích ở trên, thị trường, địa bàn và lĩnh vực của công ty đang gặp một số khó khăn. Việc tham dự thầu các dự án cũng bị hạn chế do nguồn việc giảm, cạnh tranh trong đấu thầu và một số bất lợi trong đấu thầu do sở hữu chéo cổ phần dẫn đến mâu thuẫn theo quy định của Chính phủ cũng như của các nhà tài trợ. Vì vậy, lộ trình thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp cần được có kế hoạch cụ thể để công ty chủ động có giải pháp nhằm tăng tính cạnh tranh, để có thể tham dự thầu được sâu rộng hơn nhằm tìm kiếm việc làm, đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất.

Ngoài ra, Công ty có thể tiếp tục gặp phải khó khăn đối với tình trạng nợ đọng vốn từ các dự án, công trình sử dụng ngân sách tại nhiều địa phương tăng cao, thu hồi công nợ khó khăn. Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA trong đầu tư xây dựng nhất là đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật suy giảm, dẫn đến số lượng hợp đồng và doanh thu của công ty có thể sẽ bị ảnh hưởng không nhỏ. Sản lượng từ các dự án đầu tư trong lĩnh vực cấp thoát nước của khu vực tư nhân có sự tăng trưởng nhưng tính thanh khoản thấp.

Cơ cấu bộ máy còn khá cồng kềnh, số lượng lao động giỏi, có chuyên môn cao cần bổ sung trong bối cảnh việc tuyển dụng nhân sự còn khó khăn do thiếu nguồn nhân lực ngành và sự hấp dẫn của môi trường làm việc. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất,

tạo nguồn việc và thị trường ổn định lâu dài, tăng năng suất để cải thiện thu nhập cho người lao động.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Trong năm qua, công tác thị trường, tìm kiếm hợp đồng khó khăn do nguồn lực đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng đô thị giảm đáng kể, đầu tư công lĩnh vực cấp thoát nước hạn chế, tiến trình triển khai các dự án mới khó khăn và phức tạp, thời gian triển khai dự án kéo dài khoảng 2 – 3 năm hoặc lâu hơn.

Các địa phương gặp khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, trần nợ công dẫn đến nhiều dự án bị hoãn hoặc bị chậm, yếu tố ưu đãi về lãi suất vay từ nguồn ODA giảm trong khi đầu tư tư nhân hoặc mô hình hợp tác công - tư trong lĩnh vực hạ tầng chung đô thị đang có dấu hiệu chững lại.

Cạnh tranh trong lĩnh vực tư vấn diễn ra quyết liệt với sự tham gia thêm của rất nhiều các tư vấn cùng ngành, tư vấn khác chuyển hướng tham gia vào lĩnh vực hạ tầng đô thị tại các địa phương.

Bên cạnh đó, định mức và chi phí dịch vụ tư vấn hầu như không được điều chỉnh và ngày càng giảm. Yêu cầu của các chủ đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư tư nhân) cũng ngày một cao và thay đổi nhiều, tiến độ lại ngày càng cao. Điều này đôi khi dẫn đến sự mất cân bằng về nguồn nhân lực, khả năng cân đối tài chính, giảm tính hấp dẫn của lĩnh vực này.

Tuy vậy, Công ty đã nỗ lực và đạt kế hoạch, chỉ tiêu đã đề ra, do các hợp đồng ký kết được trong năm là những hợp đồng được chuẩn bị từ những năm trước. Do liên tiếp ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trong những tháng đầu năm và trong thời gian vừa qua, việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết bị ảnh hưởng đáng kể, do không thể triển khai hoặc triển khai gián đoạn trong thời gian dài, ảnh hưởng tới tiến độ hoàn thành công việc và giao nộp sản phẩm hợp đồng. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu trong khi chi phí sản xuất đã không cắt giảm và thậm chí là tăng lên nhằm duy trì các hoạt động sản xuất.

Đã tổ chức thực hiện tốt các dự án, trong đó có nhiều dự án lớn tại các địa bàn quan trọng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Huế, các tỉnh phía Bắc, các tỉnh miền trung, TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam..., tạo ra sự tin cậy và uy tín đối với khách hàng. Cùng với các đơn vị chủ trì, các văn phòng dự án tại địa phương là cầu nối quan trọng trong việc duy trì mối quan hệ với khách hàng và cung cấp các thông tin trong việc phát triển thị trường. Nhiều dự án được tổ chức tốt, tạo ra doanh thu cao trong nhiều năm, đem lại doanh thu và hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để thích ứng với thị trường và điều kiện sản xuất kinh doanh, Công ty thường xuyên cập nhật, sửa đổi Quy chế tổ chức hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả và hài hoà lợi ích trong các hoạt động SXKD cùng với việc tối ưu nguồn nhân lực của Công ty, phát triển đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu sản xuất trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt. Các hoạt động đào tạo, hội thảo nội bộ theo chuyên đề, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm bên cạnh việc đầu tư, bổ sung trang thiết bị văn phòng, các phần mềm chuyên ngành để nâng cao hiệu quả lao động.

Hoạt động phong trào của các tổ chức công đoàn, đoàn Thanh niên có nhiều nét mới tạo ra môi trường làm việc tốt hơn cho người lao động, góp phần tích cực trong việc xây dựng nền nếp và văn hoá doanh nghiệp trong công ty.

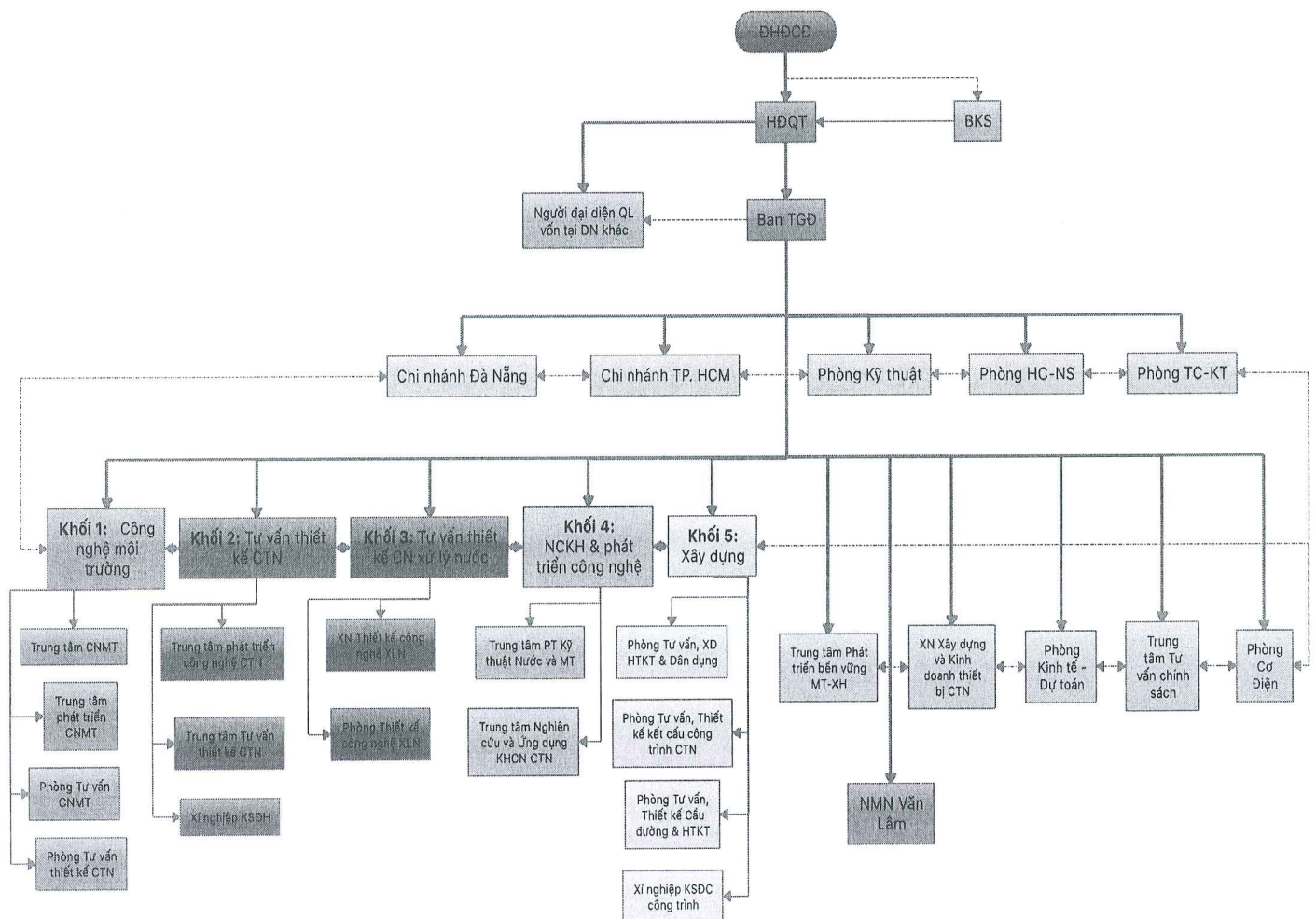
Bảng dưới đây tổng hợp một số chỉ tiêu chính và kết quả thực hiện so với kế hoạch.

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2020 |
|-----|--|---------------|----------------|
| I | Tổng doanh thu quyết toán, trong đó: | 106.000 | 113.072 |
| | - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 104.500 | 111.058 |
| | - Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác | 1.500 | 2.015 |
| II | Lợi nhuận trước thuế | 3.200 | 5.297 |
| III | Nộp ngân sách Nhà nước | 6.320 | 7.527 |
| IV | Lợi nhuận sau thuế, trong đó: | 4.346 | 6.302 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 | 396 | 1.696 |
| | - Lợi nhuận sau thuế | 3.950 | 4.605 |
| V | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | - | 1.279 đồng |
| VI | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu | 1.000 đồng | 1.000 đồng |

2. Tổ chức và nhân sự:

- Sơ đồ tổ chức, quản lý điều hành Công ty:



- Danh sách Ban điều hành

+ Hội đồng quản trị Công ty

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT | Trình độ học vấn | Nghề nghiệp | Lý luận chính trị | Hành vi vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ | | | Số CP nắm giữ của người có liên quan |
|--|-----------------|-----------------------|-----------|-------------|---|------------------------|----------------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
| | | | | | | | | | | | Tổng số | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân | |
| Nguyễn Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT | 6/11/1968 | Nam | Quảng Ngãi | A7, số 2 Bùi Ngọc Dương, Hai Bà Trưng, Hà Nội | Kỹ sư Cấp thoát nước | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp | Không | Không | 626.842 | 508.700 | 118.142 | Không |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm) | | | | | | | | | | | | | | |
| Công ty Xây dựng Cấp thoát nước số 2 - Bộ Xây dựng | | | | | | | | | | | | | | |
| Xưởng trưởng Xưởng 4, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE) | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Giám đốc Công ty Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2021 | | | | | | | | | | | | | | |
| Nguyễn Như Hà | Thành viên HĐQT | 20/10/1958 | Nam | Nghệ An | Số 10, Liên Trì, Hoàn Kiếm, Hà Nội | Tiến sĩ Cấp thoát nước | Quản lý doanh nghiệp | Cao cấp | Không | Không | 262.083 | Không | 262.083 | Không |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm) | | | | | | | | | | | | | | |
| Học viên Trường ĐH Kỹ thuật Quân sự | | | | | | | | | | | | | | |
| Sinh viên Trường ĐH Xây dựng Lê-nin-grat (Liên Xô) | | | | | | | | | | | | | | |
| Sĩ quan quân đội, Thượng úy-Kỹ sư, Đội phó phụ trách thi công thuộc Binh đoàn 11-Bộ quốc phòng, Đảng viên | | | | | | | | | | | | | | |
| Kỹ sư - Viện Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng | | | | | | | | | | | | | | |
| Kỹ sư - Chủ trì Thiết kế - Công ty Thiết kế Cấp thoát nước, Bộ Xây dựng | | | | | | | | | | | | | | |
| Nghiên cứu sinh tại Liên Xô | | | | | | | | | | | | | | |
| Tiến sĩ Cấp thoát nước - Xưởng phó, Xưởng trưởng - Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Giám đốc Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Giám đốc Công ty Nước và Môi trường Việt Nam, Đảng ủy viên khóa 6 (1997-2000), Phó Bí thư Đảng ủy Công ty khóa 7 (2000-2002), Quận ủy viên Quận ủy Hoàn Kiếm khóa 22 (2000-2005) | | | | | | | | | | | | | | |

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT | Trình độ học vấn | Nghề nghiệp | Lý luận chính trị | Hành vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ | | | Số CP nắm giữ của người có liên quan |
|--|--------------------------|-----------------------|-----------|-------------|---|----------------------|----------------------|-------------------|------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
| | | | | | | | | | | | Tổng số | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân | |
| Phùng Ngọc Quang | Thành viên HĐQT | 2/6/1959 | Nam | Hà Nội | 195 phố Huế, phường phố Huế, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội | Kỹ sư Cấp thoát nước | Quản lý doanh nghiệp | Trung cấp | Không | Không | 14.570 | Không | 14.570 | Không |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm) | | | | | | | | | | | | | | |
| 2006 2016 | | | | | | | | | | | | | | |
| 2016 đến nay | | | | | | | | | | | | | | |
| 4/2014 đến nay | | | | | | | | | | | | | | |
| Nguyễn Bá Minh | Thành viên HĐQT | 19/1/1972 | Nam | Hà Nội | 57, ngõ 133, phố Tân Ấp, Ba Đình, Hà Nội | Kiến trúc sư | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp | Không | Không | 381.950 | 381.950 | 0 | Không |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm) | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư – Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư – Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam-CTCP | | | | | | | | | | | | | | |
| Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Nguyễn Thành Tài | Thành viên HĐQT, Phó TGD | 8/5/1974 | Nam | Nam Định | 507 D1, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội | Tiến sĩ Kỹ thuật | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp | Không | Không | 37.070 | 0 | 37.070 | Không |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm) | | | | | | | | | | | | | | |
| 1991 1996 | | | | | | | | | | | | | | |
| 1996 2002 | | | | | | | | | | | | | | |
| 2002 2005 | | | | | | | | | | | | | | |
| 2006 8/2009 | | | | | | | | | | | | | | |
| 9/2009 4/2017 | | | | | | | | | | | | | | |
| 4/2017 Đến nay | | | | | | | | | | | | | | |
| Sinh viên Trường Đại học Xây dựng Hà Nội | | | | | | | | | | | | | | |
| Kỹ sư Xây dựng, Công ty Nước và Môi trường Việt Nam (làm luận án Thạc sĩ Kỹ thuật tại trường Đại học Xây dựng năm 1997-1999) | | | | | | | | | | | | | | |
| Làm luận án Tiến sĩ Kỹ thuật tại Trường Đại học Yokohama, Nhật Bản | | | | | | | | | | | | | | |
| Giám đốc Xí nghiệp Thiết kế Kết cấu công trình, Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |

+ Ban Kiểm soát Công ty

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT | Trình độ học vấn | Nghề nghiệp | Lý luận chính trị | Hành vi vi phạm phát luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ | | | Số CP năm giữ của người có liên quan |
|--|----------------------|-----------------------|-----------|-------------|---|------------------|----------------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
| | | | | | | | | | | | Tổng số | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân | |
| Đỗ Thị Thúy Nga | Trưởng Ban Kiểm soát | 10/5/1974 | Nữ | Hà Nội | Số 8 ngõ 318, phố Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội | Đại học | Kế toán | Sơ cấp | Không | Không | 86.207 | Không | 86.207 | Không |
| <p><i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm)</p> <p>1996 1997 Cán bộ dự án, Văn phòng đại diện Công ty Viễn thông Hàn Quốc tại Việt Nam 1998 1999 Nhân viên văn phòng, Văn phòng đại diện Công ty Nippon Koei tại Việt Nam 1999 6/2011 Chuyên viên/Phó phòng Tổng Hợp, Phó văn phòng HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam 6/2011 đến nay Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam</p> | | | | | | | | | | | | | | |
| Vũ Thị Hậu | Ủy viên BKS | 25/12/1958 | Nữ | Hà Nội | Số 18, ngách 17, Đại học ngõ 463 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội | Đại học | Kế toán viên cao cấp | Sơ cấp | Không | Không | 13.137 | Không | 13.137 | 4.756 - Chồng |
| <p><i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm)</p> <p>02/1981 10/1987 Kế toán Công ty xây dựng Cấp thoát nước, Công ty thiết kế cấp thoát nước 11/1987 9/1990 Hợp tác lao động tại Liên Xô (cũ) 10/1990 4/1999 Kế toán Công ty tư vấn cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam 4/1999 12/2013 Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam 01/2014 4/2016 Kế toán viên cao cấp Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam 4/2016 Đến nay Ủy viên Ban kiểm soát, Kế toán viên cao cấp Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam</p> | | | | | | | | | | | | | | |
| Nguyễn Nhật Việt | Ủy viên BKS | 23/11/1946 | Nam | Hải Dương | 38b ngõ 155 đường Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội | Đại học | Kinh tế kế hoạch | Cao cấp | Không | Không | 42.981 | Không | 42.981 | 19.796 - Vợ 17.142 - Con |
| <p><i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm)</p> <p>1967 1969 Bộ đội, Cơ quan tiền phương thuộc Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc Phòng 1969 1980 Cán bộ văn phòng Bộ Cơ khí và luyện kim 1980 1990 Phó phòng/Trưởng phòng Viện nghiên cứu máy công cụ và dụng cụ Bộ Cơ khí và luyện kim 1990 1995 Thanh tra viên cấp 2, Thanh tra Bộ Công nghiệp nặng 1995 2008 Ủy viên HĐQT Tổng công ty Kỹ thuật Điện, Bộ Công nghiệp nặng 2009 đến nay Cán bộ hưu trí, ủy viên Ban kiểm soát Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam nhiệm kỳ 2011-2016</p> | | | | | | | | | | | | | | |

+ Ban Tổng giám đốc Công ty

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT | Trình độ học vấn | Nghề nghiệp | Lý luận chính trị | Hành vi vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ | | | Số CP nắm giữ của người có liên quan |
|--|--------------------------------|-----------------------|-----------|-------------|---|------------------------|----------------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
| | | | | | | | | | | | Tổng số | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân | |
| Lê Văn Tuấn | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc | 3/10/1972 | Nam | Thanh Hóa | Số 25, cụm 5, tổ 19, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội | Thạc sỹ cấp thoát nước | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp | Không | Không | 544.548 | 381.780 | 162.768 | Không |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm) | | | | | | | | | | | | | | |
| Nguyễn Thành Tài | Thành viên HĐQT, Phó TGĐ | 8/5/1974 | Nam | Nam Định | 507 D1, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội | Tiến sĩ Kỹ thuật | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp | Không | Không | 37.070 | Không | 37.070 | Không |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm) | | | | | | | | | | | | | | |
| Nguyễn Mạnh Hùng | Phó TGĐ | 1/9/1972 | Nam | Hà Tây | 71 Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội | Thạc sỹ Kỹ thuật | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp | Không | Không | 27.799 | Không | 27.799 | Không |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm) | | | | | | | | | | | | | | |
| Nguyễn Hòa | Phó TGĐ | 11/11/1970 | Nam | Hà Nội | Tổ 15 cụm 2, phường Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội | Kỹ sư Cấp thoát nước | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp | Không | Không | 69.565 | Không | 69.565 | 14.414 – Vợ |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác:</i> (Từ tháng/năm đến tháng/năm) | | | | | | | | | | | | | | |
| Cán bộ Viện thiết kế Nhà ở và CTCC- Bộ Xây dựng | | | | | | | | | | | | | | |
| Cán bộ Xí nghiệp TVTK Cty XD CTN Việt Nam | | | | | | | | | | | | | | |
| Cán bộ Trung tâm tư vấn CTN và MINT-VIWASE | | | | | | | | | | | | | | |
| Đội trưởng đội thi công xây lắp XN SXTB XLN | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó giám đốc XN SXTB Xử lý nước | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó giám đốc XN Cơ điện | | | | | | | | | | | | | | |
| Phó giám đốc XN Thiết kế công nghệ CTN số 1 | | | | | | | | | | | | | | |

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Nguyên quán | Nơi đăng ký HKTT | Trình độ học vấn | Nghề nghiệp | Lý luận chính trị | Hành vi vi phạm pháp luật | Quyền lợi mâu thuẫn với Cty | Số cổ phần nắm giữ | | | Số CP nắm giữ của người có liên quan |
|---|---------|-----------------------|-----------|---|--|-----------------------------|----------------------|-------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------|
| | | | | | | | | | | | Tổng số | CP đại diện vốn VNCC | CP sở hữu cá nhân | |
| Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng hạ tầng Phương Đông Giám đốc XN XD KDTB và CN, Công ty VIWASE Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE) | | | | | | | | | | | | | | |
| Nguyễn Văn Nguyễn | Phó TGD | 23/10/1976 | Nam | Nghệ An | Phòng 605 B15 Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội | Thạc sĩ kỹ thuật môi trường | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp | Không | Không | 20.470 | Không | 20.470 | Không |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác: (Từ tháng/năm đến tháng/năm)</i> | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2001 | 2005 | Kỹ sư cấp thoát nước- Môi trường nước - Công ty Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | |
| | | 2005 | 2006 | Phó phòng tư vấn số 3 thuộc XN tư vấn công nghệ môi trường - Công ty Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | |
| | | 2006 | 2007 | Trưởng phòng tư vấn số 1 thuộc XN tư vấn công nghệ môi trường - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | |
| | | 5/2007 | 3/2008 | Phó Giám đốc phụ trách XN tư vấn công nghệ môi trường - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | |
| | | 3/2008 | 12/2009 | Giám đốc XN tư vấn công nghệ môi trường - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | |
| | | 1/2010 | 7/2013 | Giám đốc XN thiết kế công nghệ xử lý nước - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | |
| | | 8/2013 | 5/2016 | Trưởng khối thiết kế công nghệ xử lý nước. Giám đốc XN thiết kế công nghệ xử lý nước - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | |
| | | 5/2016 | đến nay | Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE) | | | | | | | | | | |
| Kiên Hùng | Phó TGD | 27/12/1970 | Nam | Quảng đông, Trung Quốc | 40B Đê La Thành, phường Thố quan, quận Đống Đa, Hà Nội | Thạc sĩ kỹ thuật | Quản lý doanh nghiệp | Sơ cấp | Không | Không | 16.816 | Không | 16.816 | Không |
| <i>Tóm tắt quá trình công tác: (Từ tháng/năm đến tháng/năm)</i> | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 1994 | 1996 | Kỹ sư cấp thoát nước- Công ty tư vấn CCIC – Sở Giao thông công chính Hà Nội | | | | | | | | | | |
| | | 1996 | 1998 | Kỹ sư cấp thoát nước- Ban Quản lý dự án Cấp nước Gia lâm - Sở Giao thông công chính Hà Nội | | | | | | | | | | |
| | | 1998 | 2000 | Kỹ sư cấp thoát nước- Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | |
| | | 2000 | 2001 | Chủ nhiệm Quản lý dự án TA-3323- Ban quản lý Phát triển cấp thoát nước - Bộ Xây dựng | | | | | | | | | | |
| | | 2001 | 2003 | Phó Giám đốc chi nhánh TP HCM - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | |
| | | 2004 | 2017 | Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn | | | | | | | | | | |
| | | 2018 | Đến nay | Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam | | | | | | | | | | |

- Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2020: Không có.
- Số lượng cán bộ, CNV tính đến 31/12/2020: 230 người

| | Số lượng | Tỷ lệ |
|---|------------|-------------|
| - Tiến sĩ và Thạc sĩ | 36 | 16% |
| - Kỹ sư Cấp thoát nước, vệ sinh và môi trường | 65 | 28% |
| - Kỹ sư Xây dựng, Kết cấu | 62 | 27% |
| - Kỹ sư các chuyên ngành khác: địa chất, thủy văn, cơ điện, kiến trúc, kinh tế, hóa học, tin học... | 59 | 25% |
| - Kỹ thuật viên, công nhân | 4 | 2% |
| - Lao động phổ thông (bảo vệ, vệ sinh) | 4 | 2% |
| Tổng cộng | 230 | 100% |

- Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế hoạt động của Công ty (Sửa đổi lần thứ III) kèm theo Quyết định số 02/QĐ-VIWASE-HĐQT ngày 25/02/2020.

- + Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày/tuần và tổng số 40 giờ làm việc/tuần. Buổi sáng từ 8h00 đến 11h50 và, buổi chiều từ 13h00 đến 16h45 và thứ Bảy hàng tuần làm việc nửa ngày (buổi sáng) từ 8h00 đến 11h30. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ và số giờ làm thêm này sẽ được tính cho người lao động là từ 150% đến 300% mức lương làm việc ngày thường theo Bộ luật Lao động.

Nhân viên thuộc diện chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, ngoài được hưởng nghỉ chế độ thai sản theo các qui định hiện hành của Nhà nước, Công ty cũng sẽ tạo điều kiện tối đa về giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn nhận lương theo các qui định về Bảo hiểm xã hội.

+ Chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ CNV: Đã được quy định rõ trong “*Quy chế tuyển dụng, ký kết, chấm dứt HĐLĐ, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động*” nhằm nâng cao chất lượng cán bộ, CNV ngay từ giai đoạn tuyển dụng, để đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ SXKD ngày càng cao như giai đoạn hiện nay cũng như các năm tiếp theo.

- + Chính sách lương thưởng:

HĐQT Công ty ban hành quyết định Hệ thống thang lương, bảng lương của doanh nghiệp phù hợp với các qui định hiện hành của Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty có thực hiện các chính sách xã hội, những chế độ đãi ngộ riêng theo Quy chế hoạt động của Công ty bao gồm:

- Tổ chức thăm hỏi gia đình người lao động khi đau ốm, việc hiếu, hỉ;
- Tổ chức quyên góp tiền ủng hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn;
- Tổ chức gặp gỡ cho con em người lao động, tặng quà cho các cháu học sinh giỏi;
- Tạo điều kiện cho Đoàn Thanh niên tham gia các hoạt động đoàn thể của Công ty và trên địa bàn Công ty đóng trụ sở;
- Tổ chức gặp mặt nữ lao động trong các dịp Quốc tế phụ nữ (8/3), ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10);
- Hàng năm tổ chức cho người lao động được tham quan nghỉ mát.

- + Chính sách cổ tức:

Căn cứ Điều lệ Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do HĐQT đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định trên những căn cứ sau:

- Chi chi trả cổ tức khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và trích lập các quỹ theo qui định hiện hành;

- Chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp của cổ đông.

Căn cứ kết quả SXKD từng năm, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho cổ đông theo điều kiện thực tế để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên do công ty làm chủ đầu tư đã hoàn thành từ năm 2006, hiện đang hoạt động sản xuất, cung cấp nước cho khách hàng. Tuy nhiên do quy hoạch vùng cấp nước của UBND tỉnh Hưng Yên, phạm vi cấp nước bị thu hẹp nhiều, hoạt động sản xuất chỉ ở mức đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho người dân và đơn vị trong địa bàn thị trấn Như Quỳnh nhưng cũng chưa mở rộng đủ trên toàn bộ hộ tiêu thụ, dẫn đến hiệu quả đầu tư còn nhiều hạn chế, thu không đủ bù chi, chưa xét đến chi phí bảo trì, bảo dưỡng hàng năm do khấu hao.

Trong năm 2020, Công ty không thực hiện đầu tư bổ sung do hiện không có đủ nguồn vốn để đầu tư theo Quyết định chủ trương đầu tư được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt, do vậy việc tổ chức lại đơn vị này cũng đang được công ty xem xét, hướng tới một đơn vị tự chủ, độc lập trong hoạt động SXKD, trước mắt thực hiện hợp tác đầu tư nhằm thực hiện dự án có hiệu quả.

b) Tóm tắt tình hình hoạt động SXKD của các công ty liên kết:

Một số chỉ tiêu tài chính phản ánh kết quả hoạt động SXKD của các công ty liên kết mà VIWASE có góp vốn trong năm 2020 được trình bày trong bảng dưới đây:

Đơn vị tính: Đồng

| Các chỉ tiêu báo cáo năm 2020 | Sài Gòn WEICO | OCI | LAVIC |
|---------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Vốn điều lệ tính đến 31/12/2020 | 3.802.000.000 | 2.830.000.000 | 2.100.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành | 380.200 | 283.000 | 210.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 380.200 | 283.000 | 210.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu lưu hành | 10.000 | 10.000 | 10.000 |
| Tổng tài sản | 33.346.372.975 | 9.810.962.020 | 7.764.102.690 |
| Tài sản ngắn hạn | 33.076.667.710 | 8.995.361.213 | 7.710.181.339 |
| Tài sản dài hạn | 269.705.265 | 815.600.807 | 53.921.351 |
| Tổng nguồn vốn | 33.346.372.975 | 9.810.962.020 | 7.764.102.690 |
| Nợ phải trả | 26.642.712.490 | 6.722.588.438 | 5.072.221.743 |
| Vốn chủ sở hữu | 6.703.660.485 | 3.088.373.582 | 2.691.880.947 |
| Doanh thu đạt trong năm | 13.141.581.658 | 13.855.072.283 | 10.662.585.031 |
| Lợi nhuận trước thuế | 927.522.471 | 287.730.422 | 249.032.805 |
| Lợi nhuận sau thuế | 766.705.069 | 227.510.317 | 214.168.213 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | - | 803 | 800 |
| Cổ tức chi trả (tỷ lệ) | - | 8% | 8% |
| Thuế và các khoản phải nộp NN | 1.749.020.898 | 1.027.667.195 | 1.390.850.839 |

| Các chỉ tiêu báo cáo năm 2020 | Sài Gòn WEICO | OCI | LAVIC |
|-------------------------------|---------------|---------------|-------------|
| Thuế và các khoản đã nộp NN | 1.390.177.977 | 1.086.929.321 | 911.611.745 |

4. Tình hình tài chính của Công ty VIWASE:

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Nội dung | Năm 2019 | Năm 2020 |
|------------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 54.345.344.136 | 59.578.951.217 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 11.158.487.778 | 11.397.082.978 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 3.600.000.000 | 4.600.000.000 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 35.203.299.381 | 40.593.799.056 |
| 4 | Hàng tồn kho | 4.115.085.929 | 2.988.069.183 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 268.471.048 | 0 |
| II | Tài sản dài hạn | 42.254.860.722 | 42.072.594.068 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | - | - |
| 2 | Tài sản cố định | 22.513.519.291 | 35.308.796.650 |
| | - Tài sản cố định hữu hình | 21.978.975.797 | 34.946.878.458 |
| | - Tài sản cố định vô hình | 534.543.494 | 361.916.192 |
| | - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 12.907.146.099 | 0 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | - | - |
| 4 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 6.394.752.541 | 6.394.663.122 |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 439.442.791 | 369.134.296 |
| III | Tổng cộng tài sản | 96.600.204.858 | 101.651.545.285 |
| IV | Nợ phải trả | 39.464.538.469 | 44.730.383.800 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 39.464.538.469 | 44.094.266.300 |
| 2 | Nợ dài hạn | - | 636.117.500 |
| V | Vốn chủ sở hữu | 57.135.666.389 | 56.921.161.485 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 57.125.666.389 | 56.911.161.485 |
| | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 36.000.000.000 | 36.000.000.000 |
| | - Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - |

| STT | Nội dung | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | - Các quỹ | 14.580.149.036 | 14.580.149.036 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 6.516.763.118 | 6.302.258.214 |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 10.000.000 | 10.000.000 |
| | - Nguồn kinh phí | 10.000.000 | 10.000.000 |
| | - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | - | - |
| VI | Tổng cộng nguồn vốn | 96.600.204.858 | 101.651.545.285 |

b. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----|--|-----------------|-----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 125.841.044.454 | 111.058.300.669 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp DV | 125.841.044.454 | 111.058.300.669 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 111.448.645.865 | 97.527.766.936 |
| 5 | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 14.392.398.589 | 13.530.533.733 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 1.021.521.393 | 1.164.911.632 |
| 7 | Chi phí tài chính | 21.101.147 | 13.705.322 |
| 8 | Chi phí bán hàng | - | - |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10.115.404.811 | 10.076.867.412 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 5.277.414.024 | 4.604.872.631 |
| 11 | Thu nhập khác | 647.280.275 | 849.780.897 |
| 12 | Chi phí khác | 190.073.810 | 157.243.017 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 457.206.465 | 692.537.880 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 5.734.620.489 | 5.297.410.511 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.117.775.298 | 691.915.415 |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 4.616.845.191 | 4.605.495.096 |
| 17 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.282,46 | 1.279,30 |
| 18 | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu | 1.200 | 1.000 |

c. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----|---|-----|----------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | % | | |
| | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | | 43,74 | 41,39 |
| | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | | 56,25 | 58,61 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | % | | |
| | - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | | 40,85 | 44 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | | 59,14 | 56 |
| 3 | Khả năng thanh toán | Lần | | |
| | - Khả năng thanh toán hiện hành | | 1,37 | 1,35 |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | | 0,37 | 0,36 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) | % | | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | | 4,77 | 4,53 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu | | 3,67 | 4,07 |
| | - Tỷ suất LNST/ Nguồn vốn chủ sở hữu | | 8,08 | 8,09 |

5. Cơ cấu cổ đông, tay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.600.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VNĐ/01 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 3.600.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

| Cơ cấu cổ đông | Số lượng cổ đông | | Tổng số CP sở hữu | | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|-------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|-------------------|------------------|----------------------|
| | Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên) | Cổ đông nhỏ (sở hữu <5% CP) | Cổ đông lớn | Cổ đông nhỏ | |
| 1. Cổ đông tổ chức trong nước | 01 | 01 | 1.272.600 | 269 | 35,35 và 0,01 |
| 2. Cổ đông tổ chức nước ngoài | - | - | - | - | - |
| 3. Cổ đông cá nhân trong nước | 01 | 251 | 262.083 | 2.062.548 | 7,28 và 57,29 |
| 4. Cổ đông cá nhân nước ngoài | - | 01 | - | 2.500 | 0,07 |
| Tổng cộng | 02 | 253 | 1.534.683 | 2.065.317 | 100 |

(Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền mặt số C030/2021-VWS/VSD-ĐK ngày 29/01/2021 do VSD lập)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi trong năm báo cáo.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:

Như đã trình bày tại mục 1 phần II của báo cáo, do nhiều yếu tố khách quan và ảnh hưởng của đại dịch covid-19 trong năm 2020, tình hình thực tế không thuận lợi này đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020. Song với sự cố gắng lớn của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBNV, Công ty đã hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

Mô hình sản xuất và sự phối hợp, phân giao nhiệm vụ trong các hoạt động, các khâu sản xuất thường xuyên được cải thiện và tăng cường. Năng suất lao động, chất lượng sản phẩm không ngừng được cải thiện và nâng cao. Ban lãnh đạo Công ty cùng với chủ trì, chủ nhiệm dự án tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, sản phẩm dịch vụ của công ty, đã tạo được sự tin cậy và uy tín đối với khách hàng.

Cán bộ, nhân viên và người lao động của Công ty được chú trọng được rèn luyện và đào tạo, đã đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu sản xuất trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt. Nhiều hoạt động tập huấn, đào tạo, hội thảo nội bộ theo chuyên đề, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm bên cạnh việc đầu tư, bổ sung trang thiết bị văn phòng, các phần mềm chuyên ngành để nâng cao hiệu quả lao động. Bên cạnh đó, số lượng lao động của Công ty đang có xu hướng giảm dần. Năm 2020, số lao động theo hợp đồng dài hạn của công ty giảm xấp xỉ 5% và có xu hướng giảm thêm khi các dự án trọng điểm của công ty tại các địa bàn ngoài trụ sở chính công ty sẽ hoàn thành và kết thúc hợp đồng trong năm 2021. Số lao động trực tiếp theo các dự án chiếm 93,4% tổng số lao động của Công ty. Trong thực tế, thời gian chuẩn bị và thẩm định, phê duyệt các dự án mới phát triển hạ tầng kỹ thuật thường kéo dài hơn kế hoạch, đơn giá ngày càng giảm và tiến độ thanh toán chậm, ảnh hưởng đến dòng tiền và thu nhập của người lao động. Cùng với tác động của dịch bệnh trong năm 2020, thu nhập trung bình của người lao động giảm 16,9% so với năm 2019.

Năm 2020, Công ty đã có một số cải tiến về quy trình sản xuất, tổ chức một số hội thảo nội bộ về chuyên môn và cho người lao động đi thăm quan thực tế công trình một số dự án trọng điểm để đào tạo và tự đào tạo, qua đó nâng cao năng suất lao động và tăng cường sự gắn kết với người lao động. Công ty đã chú trọng quan tâm và tạo điều kiện phát triển cho ngũ cán bộ trẻ có 5-10 năm kinh nghiệm để hình thành đội ngũ nhân sự chủ chốt trong thời gian tới. Đồng thời công ty đã ký hợp tác với một số trường đại học để liên kết trong hoạt động đào tạo, tiếp nhận sinh viên chuyên ngành về thực tập và tạo nguồn lực tuyển dụng về lâu dài.

2. Tình hình tài chính:

- Phân tích khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Hệ số khả năng thanh toán hiện hành = 1,35 (>1) cho thấy cho thấy với tổng tài sản ngắn hạn hiện có, công ty đảm bảo thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu = 8,09 (>0) cho thấy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu tạo ra được 8,09 đồng lợi nhuận.

- Phân tích những biến động - những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động: Không có biến động, thay đổi lớn so với dự kiến.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:

* Tổng tài sản : 101.651.545.285 đồng

* Tổng nguồn vốn: 101.651.545.285 đồng

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

+ Công ty luôn kịp thời sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động, các quy chế nội bộ khác để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

+ Đầu tư máy móc thiết bị, cải thiện cơ sở vật chất cho các đơn vị để nâng cao năng lực sản xuất.

+ Đồng thời kết hợp việc mời các chuyên gia, kỹ sư cao cấp hợp tác và tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ trong công ty.

+ Tăng cường sự hỗ trợ từ các đơn vị chức năng (phòng hành chính nhân sự, phòng tài chính kế toán...), rút ngắn thời gian thực hiện các công đoạn có liên quan.

+ Tăng cường giám sát chất lượng sản phẩm tư vấn thiết kế, tăng cường tiếp nhận phản hồi của khách hàng về chất lượng hồ sơ; Tiếp tục thực hiện quy trình phân công trách nhiệm từ lãnh đạo công ty cho đến chủ nhiệm, chủ trì và cán bộ thiết kế để nâng cao chất lượng dịch vụ.

+ Công ty tích cực và chủ động tham gia các hiệp hội nghề nghiệp, tham gia các diễn đàn, hội thảo chuyên môn, củng cố trang web, và các hoạt động quảng cáo.

+ Công ty cùng với các tổ chức, đoàn thể trong Công ty như Đảng uỷ, công đoàn, đoàn Thanh niên thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước, tiếp tục chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, tham gia tích cực công tác xã hội.

+ Tạo điều kiện để người lao động được tham gia học tập, nâng cao trình độ.

+ Xây dựng quy chế nâng bậc lương theo hướng công bằng và có lợi cho người lao động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Theo đánh giá của HĐQT, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 là ổn định.

Công ty đã và đang thực hiện tốt công tác tư vấn, khảo sát thiết kế, tư vấn đầu thầu, giám sát thi công, quản lý dự án các công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và hạ tầng kỹ thuật tại nhiều tỉnh thành trong cả nước.

Năm 2020, doanh thu quyết toán của Công ty đạt được là 113,072 tỷ đồng, trong đó doanh thu tư vấn, xây lắp và kinh doanh nước sạch là 111,058 tỷ đồng, doanh thu từ giá trị các dịch vụ khác là 2,015 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 5,297 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế (gồm lợi nhuận chưa phân phối năm 2019) là 6,302 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và nộp ngân sách nhà nước.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty:

Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc Công ty đã chủ động, nỗ lực tìm kiếm việc làm, đấu thầu các dự án trong nước cũng như các dự án nguồn vốn ODA.

Công tác quản lý, điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc để bám sát nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, đã tạo sự phối hợp tốt, có hiệu quả giữa Ban Tổng giám đốc và các đơn vị sản xuất để thực hiện các chỉ đạo của HĐQT trong các hoạt động sản xuất.

Bên cạnh việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng như tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, hội thảo nội bộ nhằm bồi dưỡng, bổ sung, cập nhật kiến thức cho CBCNV, Ban TGD cũng đã rà soát nguồn nhân lực các đơn vị trong Công ty để đảm bảo huy động đủ nhân sự tham gia thực hiện các dự án khi trúng thầu, nhất là các dự án lớn và dự án ở các địa bàn xa Hà Nội. Hỗ trợ kịp thời các đơn vị tháo gỡ khó khăn đảm bảo thực hiện các hợp đồng đúng tiến độ và có chất lượng cao.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

- Duy trì sự ổn định, phát triển Công ty nhằm nâng cao uy tín và thương hiệu VIWASE trong việc cung cấp dịch vụ đa lĩnh vực với chất lượng cao và toàn diện, đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng, không chỉ đối với các khách hàng trong nước mà còn đối với các đối tác quốc tế, các tổ chức tài trợ quốc tế, đặc biệt là các nhà đầu tư. Tiếp tục triển khai các dịch vụ tư vấn phi truyền thống.

- Hỗ trợ hoàn thiện phương thức tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong tổ chức sản xuất nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng, giữ vững và phát triển thương hiệu công ty trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, giảm thiểu tối đa các rủi ro... Kiểm tra chặt chẽ đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu vào và đầu ra.

- Triển khai nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm khoa học mới và các giải pháp phần mềm tăng năng suất lao động, áp dụng triệt để các thành tựu công nghệ thông tin và kết quả nghiên cứu khoa học vào các hoạt động SXKD của Công ty.

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và kỹ sư giỏi kết hợp với việc nâng cao chất lượng công tác đào tạo, tăng cường hợp tác với các trường Đại học, quy hoạch cán bộ; tạo mọi điều kiện để người có năng lực, có trình độ, trách nhiệm và tâm huyết có điều kiện phát triển và vươn lên với thu nhập xứng đáng.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu về công nghệ và cơ sở vật chất.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho Công ty.

- Thực hiện các dự án đầu tư nhằm đa dạng hóa nguồn thu, tăng vốn lưu động để đáp ứng các yêu cầu về các hoạt động tài chính của Công ty.

- Bổ sung, sửa đổi quy chế hoạt động của công ty, qui chế thi đua khen thưởng. Phân công nhiệm vụ của Ban Tổng Giám Đốc và các qui chế nội bộ khác: rà soát để bổ sung, sửa đổi theo hướng năng động, đề cao tự chủ, chia sẻ và hợp tác vì một thương hiệu, vì một tầm nhìn và một hệ giá trị cốt lõi.

- Hợp tác chặt chẽ trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau giữa Công ty VIWASE và các Công ty liên kết, bao gồm: Công ty Phương Đông, Công ty Lạc Việt và Công ty Sài Gòn Weico.

- Xây dựng mối đoàn kết, hợp tác với tất cả các công ty thành viên trong Tổ hợp Tư vấn xây dựng Việt Nam; Cùng tìm kiếm, chia sẻ thông tin về lĩnh vực, dự án, nghiên cứu khoa học; cùng hợp tác thực hiện/đầu tư dự án bằng cách tổ hợp thế mạnh của từng bên trong các lĩnh vực, dự án lớn, có tiềm năng; Cùng hợp tác, phát triển dịch vụ tư vấn sang thị trường các nước Đông Nam Á và các quốc gia, vùng lãnh thổ khác khi có cơ hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT gồm 07 người: Chủ tịch HĐQT và 06 thành viên, trong đó có 03 thành viên HĐQT điều hành và 04 thành viên HĐQT không điều hành.

| Thành viên HĐQT | Chức danh tại Công ty và tại DN khác | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm thành lập Công ty | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm 31/12/2020 | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) |
|----------------------|--------------------------------------|---|-----------------------|--|-----------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT | 4.517 | 0,22 | 118.142 | 3,28 |
| Ông Lê Văn Tuấn | Thành viên HĐQT điều hành | 16.108 | 0,76 | 162.768 | 4,52 |

| Thành viên HĐQT | Chức danh tại Công ty và tại DN khác | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm thành lập Công ty | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm 31/12/2020 | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) |
|----------------------|---|---|-----------------------|--|-----------------------|
| | kiêm Tổng giám đốc | | | | |
| Ông Nguyễn Như Hà | Thành viên HĐQT không điều hành | 35.017 | 1,66 | 262.083 | 7,28 |
| Ông Đoàn Nam Anh | Thành viên HĐQT không điều hành | 16.205 | 0,77 | 33.331 | 0,93 |
| Ông Phùng Ngọc Quang | Thành viên HĐQT không điều hành, Chủ tịch HĐQT Công ty OCI | 5.000 | 0,24 | 14.570 | 0,40 |
| Ông Nguyễn Bá Minh | Thành viên HĐQT không điều hành | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| Ông Nguyễn Thành Tài | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty LAVIC | 2.792 | 0,13 | 37.070 | 1,03 |

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT:

HĐQT không thành lập các tiểu ban như tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự, v.v. Toàn bộ các vấn đề nêu trên là do các phòng chức năng của Công ty đảm nhiệm như: Phòng tài chính kế toán, Phòng Hành chính Nhân sự...

c) Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị (HĐQT) tập trung đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 theo đúng Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Công tác quản lý, điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc đã bám sát các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, đã tạo sự phối hợp tốt, có hiệu quả giữa Ban Tổng giám đốc và các đơn vị sản xuất để thực hiện các chỉ đạo của HĐQT trong các hoạt động sản xuất.

HĐQT chỉ đạo Ban TGD tập trung việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng như tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, hội thảo nội bộ nhằm bồi dưỡng, bổ sung, cập nhật kiến thức cho CBCNV; Rà soát nguồn nhân lực các đơn vị trong Công ty để đảm bảo huy động đủ nhân sự tham gia thực hiện các hoạt động SXKD, hỗ trợ kịp thời các đơn vị tháo gỡ khó khăn đảm bảo thực hiện các hợp đồng đúng tiến độ và có chất lượng cao.

HĐQT cũng chỉ đạo những người đại diện quản lý phần vốn của VIWASE tại các doanh nghiệp có vốn góp định hướng với ban lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh với vai trò là cổ đông pháp nhân góp vốn vào doanh nghiệp.

Chủ tịch HĐQT chủ trì các cuộc họp HĐQT, đồng thời thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất với Ban Tổng giám đốc; Trưởng các đơn vị Công ty để nắm bắt tình hình

hoạt động sản xuất kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp một số công việc trọng tâm định hướng và cần giải quyết sớm để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch SXKD năm 2020.

Trong năm 2020, HĐQT đã giám sát, tập trung chỉ đạo thực hiện các hoạt động tiêu biểu sau:

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Ban hành Quy chế hoạt động của Công ty (Sửa đổi lần thứ III).
- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Ban hành các Nghị quyết, Quyết định, văn bản phê duyệt các qui định, qui chế, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; Phê duyệt Kế hoạch mua sắm trang thiết bị và sửa chữa, hoàn thiện văn phòng Công ty năm 2020; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Phê duyệt Báo cáo điều chỉnh Dự án xây dựng hệ thống cấp nước theo hình thức BOO tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm; Lựa chọn nhà đầu tư hợp tác đầu tư và triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.
- Miễn nhiệm và bổ nhiệm Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của CTCP Nước và Môi trường Việt Nam tại CTCP Bất động sản An Việt và tại CTCP Tư vấn và Đầu tư xây dựng Hạ tầng Phương Đông.
- Tham dự các cuộc họp giao ban, kiểm điểm của Ban Tổng giám đốc.

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện 06 cuộc họp trực tiếp và 10 cuộc họp theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản đề thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tỷ lệ tham dự và biểu quyết của các thành viên HĐQT đạt 100%.

Nội dung và kết quả các cuộc họp trong năm 2020 của HĐQT được quyết định thông qua các nghị quyết, quyết định được thể hiện trong bảng dưới đây:

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---|--------------------|
| 1 | 01/NQ-HĐQT- VIWASE | 25/02/2020 | Thông qua Chương trình nghị sự và Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 | 100% |
| 2 | 02/NQ-HĐQT- VIWASE | 06/4/2020 | Giã hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 | 100% |
| 3 | 03/NQ-HĐQT- VIWASE | 29/4/2020 | Phê duyệt điều chỉnh dự án xây dựng hệ thống cấp nước theo hình thức BOO tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | 100% |
| 4 | 04/NQ-HĐQT- VIWASE | 05/5/2020 | Thống nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 | 100% |
| 5 | 06/NQ-HĐQT- VIWASE | 16/7/2020 | Tăng hạn mức bảo lãnh của Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội | 100% |
| 6 | 07/NQ-HĐQT- VIWASE | 10/8/2020 | Chi phí lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống PCCC, tăng áp hút khói cho sản văn phòng thuộc sở hữu của VIWASE tại Tòa nhà 97-99 Láng Hạ | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------------|------------|--|------|
| 7 | 08/NQ-HĐQT- VIWASE | 10/8/2020 | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất và các hồ sơ pháp lý liên quan theo quy định cho Công ty đối với Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên - Thống nhất chủ trương lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại thị trấn Như Quỳnh - Thống nhất chủ trương thuê tư vấn thực hiện các dịch vụ tư vấn lập đề án thành lập công ty và hợp đồng góp vốn; lập báo cáo định giá tài sản thuộc Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại thị trấn Như Quỳnh; lập báo cáo NCKT và các dịch vụ tư vấn khác có liên quan để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước; Thành lập tổ giúp việc để thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư cho Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước | 100% |
| 8 | 09/NQ-HĐQT- VIWASE | 10/8/2020 | Thống nhất chủ trương hợp tác đầu tư để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và lựa chọn nhà đầu tư thông qua đăng báo công khai | 100% |
| 9 | 01/QĐ- VIWASE- HĐQT | 21/01/2020 | Thông qua nội dung Hợp đồng cho thuê văn phòng tại tầng 2, tòa nhà số 97-99 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội | 100% |
| 10 | 02/QĐ- VIWASE- HĐQT | 25/02/2020 | Ban hành Quy chế hoạt động của Công ty (Sửa đổi lần thứ III) | 100% |
| 11 | 03/QĐ- VIWASE- HĐQT | 25/2/2020 | Phê duyệt Kế hoạch mua sắm trang thiết bị và sửa chữa, hoàn thiện văn phòng Công ty năm 2020 | 100% |
| 12 | 04/QĐ- VIWASE- HĐQT | 25/2/2020 | Kết hợp đầu tư tuyển ống và cung cấp dịch vụ cấp nước sạch cho Công ty TNHH Lavie | 100% |
| 13 | 05/QĐ- VIWASE- HĐQT | 29/4/2020 | Phê duyệt chi phí tư vấn lập Mặt bằng quy hoạch tổng thể điều chỉnh và Báo cáo điều chỉnh Dự án xây dựng hệ thống cấp nước | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------------|------------|---|------|
| | | | theo hình thức BOO tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm | |
| 14 | 06/QĐ- VIWASE- HĐQT | 29/4/2020 | Phê duyệt chủ trương thuê dịch vụ pháp lý để tư vấn phương án cơ cấu lại Nhà máy nước Như Quỳnh-Văn Lâm, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | 100% |
| 15 | 07/QĐ- VIWASE- HĐQT | 15/5/2020 | Giao quản lý phần vốn của CTCP Nước và Môi trường Việt Nam tại CTCP Tư vấn và Đầu tư xây dựng hạ tầng Phương Đông | 100% |
| 16 | 08/QĐ- VIWASE- HĐQT | 04/6/2020 | Chi trả cổ tức năm 2019 | 100% |
| 17 | 09/QĐ- VIWASE- HĐQT | 04/6/2020 | Thông qua nội dung Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn Lập báo cáo NCKT, TKCS và các báo cáo hỗ trợ cho Dự án thu gom và xử lý nước thải Lưu vực bắc Sài Gòn 2 (đầu tư theo hình thức PPP) | 100% |
| 18 | 10/QĐ- VIWASE- HĐQT | 04/6/2020 | Thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2019 | 100% |
| 19 | 11/QĐ- VIWASE- HĐQT | 06/7/2020 | Phê duyệt mua sắm phần mềm Office 365 cho Công ty | 100% |
| 20 | 12/QĐ- VIWASE- HĐQT | 06/7/2020 | Phê duyệt bổ sung Kế hoạch tuyển dụng nhân sự năm 2020 | 100% |
| 21 | 13/QĐ- VIWASE- HĐQT | 21/7/2020 | Miễn nhiệm và bổ nhiệm Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của CTCP Nước và Môi trường Việt Nam tại CTCP Bất động sản An Việt | 100% |
| 22 | 15/QĐ- VIWASE- HĐQT | 15/10/2020 | Phê duyệt chủ trương đầu tư lắp đặt các tuyến ống HDPE DN110, DN75 và DN50 phát sinh trên tuyến đường ĐT.385 của Hệ thống cấp nước tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | 100% |
| 23 | 16/QĐ- VIWASE- HĐQT | 21/10/2020 | Thông qua nội dung Phụ lục hợp đồng số 03 cho Hợp phần thoát nước mưa, thoát nước thải thuộc Dự án Thoát nước mưa, thoát nước thải và quản lý chất thải trấn Hải Phòng, giai đoạn 1 | 100% |
| 24 | 17/QĐ- VIWASE- HĐQT | 29/10/2020 | Thông qua phương án cho thuê văn phòng tại tầng 2, tòa nhà số 97-99 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | 100% |

| | | | | |
|----|---------------------------|------------|--|------|
| 25 | 18/QĐ- VIWASE- HĐQT | 01/12/2020 | Lựa chọn nhà đầu tư hợp tác đầu tư và triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tại thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | 100% |
| 26 | 19/QĐ- VIWASE- HĐQT | 22/12/2020 | Thông qua nội dung Phụ lục hợp đồng số 05 thuộc Hợp đồng gói thầu: Dịch vụ tư vấn kỹ thuật 2 “Giám sát thi công” cho Dự án Cải thiện môi trường nước TP.HCM Lưu vực kênh Tàu Hũ-Bến Nghé-Đôi-Tẻ, giai đoạn 2 | 100% |
| 27 | 20/QĐ- VIWASE- HĐQT | 22/12/2020 | Phê duyệt Điều chỉnh báo cáo KT-KT hoàn thiện các hạng mục nội thất vách ngăn, sàn trần, điện, điều hòa và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án hoàn thiện bổ sung các hạng mục nội thất vách ngăn, sàn trần, điện, điều hòa thuộc Dự án hoàn thiện nội thất văn phòng Công ty VIWASE tại số 97-99 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội | 100% |
| 28 | 21/QĐ- VIWASE- HĐQT | 23/12/2020 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung hợp đồng thực hiện hạng mục nội thất vách ngăn, sàn trần, điện, điều hòa thuộc Dự án hoàn thiện nội thất văn phòng Công ty VIWASE tại số số 97-99 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội | 100% |
| 29 | 22/QĐ- VIWASE- HĐQT | 31/12/2020 | Phê duyệt Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Chi nhánh Công ty Luật TNHH An Phước | 100% |
| 30 | 23/QĐ- VIWASE- HĐQT | 31/12/2020 | Phê duyệt quyết toán công trình hạng mục nội thất vách ngăn, sàn trần, điện, điều hòa thuộc Dự án hoàn thiện nội thất văn phòng Công ty tại số 97-99 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội | 100% |
| 31 | 24/QĐ- VIWASE- HĐQT | 31/12/2020 | Phê duyệt và quyết toán Hợp đồng dịch vụ môi giới bất động sản giữa Công ty với bên môi giới cho thuê văn phòng công ty tại tầng 2, Tòa nhà 97-99 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội | 100% |
| 32 | 25/QĐ- VIWASE- HĐQT | 31/12/2020 | Thông qua nội dung Phụ lục hợp đồng số 04 cho Hợp phần thoát nước mưa, thoát nước thải thuộc Dự án Thoát nước mưa, thoát nước thải và quản lý chất thải rắn Hải Phòng, giai đoạn 1 | 100% |

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát gồm 03 người: Trưởng Ban Kiểm soát và 02 uỷ viên độc lập không kiêm nhiệm.

| Thành viên BKS | Chức danh | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm thành lập Công ty | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) | Số lượng CP cá nhân tại thời điểm 31/12/2020 | Tỷ lệ/vốn điều lệ (%) |
|----------------------|------------|---|-----------------------|--|-----------------------|
| Bà Đỗ Thị Thúy Nga | Trưởng ban | 12.844 | 0,61 | 86.207 | 2,39 |
| Bà Vũ Thị Hậu | Ủy viên | 4.492 | 0,23 | 13.137 | 0,36 |
| Ông Nguyễn Nhất Việt | Ủy viên | 10.000 | 0,48 | 42.981 | 1,19 |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp.

Các hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông tập trung vào các khía cạnh sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Giám sát việc kiểm tra hệ thống quản lý nội bộ các đơn vị trong Công ty, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống quản lý nội bộ và hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Điều lệ công ty, Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo thời hạn được quy định, báo cáo giải trình về những vấn đề được kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

- Các công việc khác theo quyết định của Đại hội cổ đông, qui định của Điều lệ và pháp luật.

+ Về công tác quản trị Công ty của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

- Hội đồng quản trị đã tập trung đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

- Chủ tịch HĐQT đã chủ trì các cuộc họp HĐQT, đồng thời thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp với Ban Tổng giám đốc, lãnh đạo các đơn vị công ty để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD và có các ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Tham gia tích cực các hoạt động của Tổ hợp Tư vấn xây dựng Việt Nam (VC - Group).

- Năm 2020, HĐQT đã tổ chức cho 03 cán bộ quản lý của Công ty, gồm Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS và Thư ký Công ty, tham gia chương trình đào tạo “Quản trị công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng” do Ủy ban chứng khoán Nhà nước phối hợp cùng Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán tổ chức vào tháng 11/2020.

+ Về tình hình triển khai các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của HĐQT:

HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông một cách nhanh chóng và phù hợp; Hội đồng quản trị nghiên cứu, xem xét cụ thể các tham vấn của cổ đông để có những phương hướng hợp lý nhằm đáp ứng mong mỏi của cổ đông về hoạt động SXKD, mang lại hiệu quả và lợi nhuận cho Công ty, cho cổ đông.

+ Về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020 đạt tốt, hiệu quả kinh doanh cao, doanh thu vượt kế hoạch ĐHCĐ đã thông qua. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ thuộc loại cao so với các công ty tư vấn khác trong Tổ hợp Tư vấn xây dựng Việt Nam. Công tác sổ sách kế toán, chứng từ được thực hiện tốt theo các qui định hiện hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc:

a) Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc:

- Thù lao và chi phí của HĐQT trích từ nguồn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua. Cụ thể năm 2020, thù lao của Hội đồng quản trị không quá 0,3%/năm/Tổng quỹ lương Công ty; lương, thù lao và chi phí hợp lý khác của Chủ tịch HĐQT không quá 1%/Tổng quỹ lương Công ty.

- Chi phí của Ban kiểm soát trích từ nguồn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua. Cụ thể năm 2020, chi phí của Ban kiểm soát không quá 0,2%/năm/Tổng quỹ lương Công ty.

- Hội đồng quản trị xây dựng cụ thể mức thù lao, chi phí đối với các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát chuyên trách và không chuyên trách một cách hợp lý và tuân thủ các qui định của pháp luật. Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, thù lao, chi phí và tiền thưởng cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT kiêm nhiệm và Ban Kiểm soát sẽ được điều chỉnh phù hợp 6 tháng một lần.

- Quyền lợi của Ban Tổng giám đốc được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam và được điều chỉnh phù hợp, phụ thuộc vào tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|-----------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Kiên Hùng (Phó TGD công ty) | - | 18.866 | 0,52% | 24.579 | 0,68% | Mua thêm (giao dịch thỏa thuận) |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công tác quản trị công ty tuân thủ đúng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều lệ công ty, các quy định của pháp luật cũng như các quy chế, quy định nội bộ khác.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị kiểm toán độc lập Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Ý kiến của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và và tình hình

lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://viwase.vn>.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Trưởng Ban Kiểm soát



Đỗ Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Ngô Lan Phương

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Hải

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn